BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SPKT VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 146/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả và cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh Trình độ Đại học

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục va Đào tạo về việc Ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường Trung cấp sư phạm, Cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục học đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 08/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về việc Ban hành quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 95/2020/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 09/9/2020 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 105/2021/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 31/5/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc ban hành quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo học chế tín chỉ;

Căn cứ bảng tổng hợp kết quả học tập đã học các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh theo kế hoạch giảng dạy các lớp GDQP-AN trình độ Đại học;

Xét đề nghị của Ông Phụ trách Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh trình độ Đại học cho **404** sinh viên *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Các Ông trưởng, phó các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 2;
- Lưu: P. Đào tạo.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

PGS.TS. Cao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ VÀ CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH

(Kèm theo quyết định số: 146/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT ngày 19 tháng 8 năm 2022)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
1	18008058	Lê Minh Khánh	1CCK18A1	Nam	23/4/2000	Cần Thơ	Trung bình
2	18015015	Diệp Ngọc Hân	1DLH18A	Nữ	28/12/1999	Sóc Trăng	Giỏi
3	18015026	Trần Lê Khánh	1DLH18A	Nam	17/11/1997	Vĩnh Long	Khá
4	20001008	Phan Lê Chí Bảo	1OTO20A1	Nam	17/6/2002	Vĩnh Long	Khá
5	20001009	Tô Gia Bảo	1OTO20A1	Nam	22/5/2002	Vĩnh Long	Khá
6	20001012	Trần Minh Cảnh	1OTO20A1	Nam	13/8/2002	Vĩnh Long	Trung bình
7	20001014	Trần Lâm Chiểu	1OTO20A1	Nam	13/5/2002	Sóc Trăng	Trung bình
8	20001034	Hồ Thanh Tùng Em	1OTO20A1	Nam	30/6/2002	Đồng Tháp	Trung bình
9	20001043	Trần Khánh Hưng	1OTO20A1	Nam	31/5/2002	Vĩnh Long	Trung bình
10	20001052	Nguyễn Vĩnh Khang	1OTO20A1	Nam	03/8/2002	Trà Vinh	Khá
11	20001054	Quách Ngọc Vĩ Khang	1OTO20A1	Nam	16/8/1999	Cà Mau	Khá
12	20001066	Nguyễn Đăng Khoa	1OTO20A1	Nam	27/8/2002	Vĩnh Long	Trung bình
13	20001067	Quách Đăng Khoa	1OTO20A1	Nam	19/01/2002	Cà Mau	Trung bình
14	20001068	Trương Tuấn Khoa	1OTO20A1	Nam	05/5/2002	Trà Vinh	Trung bình
15	20001075	Phạm Chí Linh	1OTO20A1	Nam	13/3/2002	Vĩnh Long	Trung bình
16	20001086	Nguyễn Nhật Minh	1OTO20A1	Nam	04/01/2002	Trà Vinh	Trung bình
17	20001088	Nguyễn Hoàng Nam	1OTO20A1	Nam	29/9/2002	Đồng Tháp	Trung bình
18	20001100	Nguyễn Chí Nguyên	1OTO20A1	Nam	01/12/2002	Trà Vinh	Trung bình
19	20001107	Bùi Hiếu Nhân	1OTO20A1	Nam	26/8/2002	Vĩnh Long	Trung bình
20	20001150	Bùi Phúc Tấn	1OTO20A1	Nam	06/3/2002	Cần Thơ	Trung bình
21	20001160	Nguyễn Hoàng Thi	1OTO20A1	Nam	16/10/2002	Vĩnh Long	Khá
22	20001176	Nguyễn Phạm Thanh Tiến	1OTO20A1	Nam	07/5/2002	Vĩnh Long	Trung bình
23	20001182	Nguyễn Thanh Triệu	1OTO20A1	Nam	25/12/2002	Trà Vinh	Khá
24	20001187	Nguyễn Thị Hồng Tú	1OTO20A1	Nữ	12/4/2002	Vĩnh Long	Trung bình
25	20001225	Lại Hồ Thiên Đăng	1OTO20A2	Nam	23/10/2002	Quảng Ngãi	Trung bình
26	20001246	Lương Nhật Duy	1OTO20A2	Nam	30/12/2002	Vĩnh Long	Trung bình
27	20001258	Lê Thanh Hiền	1OTO20A2	Nam	13/10/2002	Vĩnh Long	Khá
28	20001310	Lê Quí Ngọc	1OTO20A2	Nam	06/7/2002	Vĩnh Long	Khá
29	20001340	Nguyễn Hoàng Sang	1OTO20A2	Nam	30/8/2002	Vĩnh Long	Trung bình
30	20001355	Châu Hoàng Thành	1OTO20A2	Nam	28/5/2002	Vĩnh Long	Trung bình
31	20001365	Đặng Minh Tiến	1OTO20A2	Nam	31/3/2002	Vĩnh Long	Trung bình
32	20001367	Trương Văn Tín	1OTO20A2	Nam	15/10/2002	Vĩnh Long	Trung bình
33	20001398	Mạch Vân Anh	1OTO20A3	Nữ	20/5/2002	Đồng Tháp	Khá
34	20001403	Phạm Quốc Cường	1OTO20A3	Nam	14/9/2002	Đồng Tháp	Khá
35	20001405	Phạm Hữu Đang	1OTO20A3	Nam	09/02/2002	Đồng Tháp	Khá
36	20001423	Võ Thanh Hạt	1OTO20A3	Nam	01/9/2001	Vĩnh Long	Khá
37	20001464	Đỗ Hồng Pha	1OTO20A3	Nam	04/01/2001	Đồng Tháp	Khá
38	20001472	Mai Quang Sang	1OTO20A3	Nam	12/7/2002	Vĩnh Long	Trung bình
39	20001502	Nguyễn Trọng Tính	1OTO20A3	Nam	06/3/2002	Bạc Liêu	Khá
40	20001514	Huỳnh Hữu Vinh	1OTO20A3	Nam	04/01/2002	Trà Vinh	Khá
41	20001521	Nguyễn Thanh Bảo	9OTO20A	Nam	31/12/2002	Vĩnh Long	Trung bình
42	20001525	Lê Thanh Cảnh	9OTO20A	Nam	20/6/2002	Vĩnh Long	Trung bình
43	20001528	Võ Thành Đạt	9OTO20A	Nam	19/9/2002	Đồng Tháp	Trung bình
44	20001530	Nguyễn Quốc Duy	9OTO20A	Nam	24/7/2002	Kiên Giang	Trung bình
45	20001531	Võ Văn Hoàng Duy	9OTO20A	Nam	16/7/2002	Cần Thơ	Khá
46	20001535	Phan Chí Khanh	9OTO20A	Nam	10/12/2002	Sóc Trăng	Trung bình
47	20001537	Nguyễn Tuấn Kiệt	9OTO20A	Nam	15/9/2002	Vĩnh Long	Trung bình
48	20001541	Nguyễn Đức Mạnh	9OTO20A	Nam	13/12/2002	Vĩnh Long	Khá
49	20001546	Lê Văn Phi	9OTO20A	Nam	18/4/2002	Vĩnh Long	Khá
50	20001548	Trang Hoàng Phúc	9OTO20A	Nam	08/02/2002	Vĩnh Long	Trung bình
51	20001549	Trương Gia Phúc	9OTO20A	Nam	01/01/2002	Trà Vinh	Trung bình
52	20001550	Huỳnh Nhật Quang	9OTO20A	Nam	27/8/2002	Vĩnh Long	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
53	20001553	Nguyễn Phúc Tân	9OTO20A	Nam	08/8/2002	Vĩnh Long	Trung bình
54	20001554	Nguyễn Lê Tuấn Thành	9OTO20A	Nam	10/02/2002	Vĩnh Long	Trung bình
55	20001555	Nguyễn Đức Thiện	9OTO20A	Nam	25/01/2002	Vĩnh Long	Trung bình
56	20002005	Danh Trường Hà	1CTM20A	Nam	23/6/2002	Kiên Giang	Khá
57	20002022	Lê Tấn Vững	1CTM20A	Nam	28/6/2002	Kiên Giang	Trung bình
58	20003006	Lê Gia Bảo	1DDT20A	Nam	26/6/2002	Cà Mau	Trung bình
59	20003051	Nguyễn Chí Lập	1DDT20A	Nam	02/02/2002	Cà Mau	Trung bình
60	20004001	Từ Nhân Ái	1CTT20A1	Nam	18/3/2002	Trà Vinh	Khá
61	20004007	Trương Gia Bảo	1CTT20A1	Nam	25/3/2002	Tiền Giang	Trung bình
62	20004014	Nguyễn Lê Trường Chinh	1CTT20A1	Nam	25/11/2002	Trà Vinh	Khá
63	20004021	Nguyễn Thiên Đệ	1CTT20A1	Nam	02/01/2002	Trà Vinh	Khá
64	20004027	Trần Quốc Dũng	1CTT20A1	Nam	30/8/2002	Bến Tre	Giỏi
65	20004039	Nguyễn Văn Trường Giang	1CTT20A1	Nam	28/3/2002	Đồng Tháp	Khá
66	20004050	Thái Hưng	1CTT20A1	Nam	26/11/2002	Vĩnh Long	Khá
67	20004052	Lê Quốc Huy	1CTT20A1	Nam	20/12/2002	Trà Vinh	Trung bình
68	20004058	Dương Vũ Huy	1CTT20A1	Nam	04/4/2002	TP.HCM	Trung bình
69	20004075	Dương Nguyễn Đăng Khoa	1CTT20A1	Nam	28/4/2002	An Giang	Trung bình
70	20004087	Nguyễn Chí Linh	1CTT20A1	Nam	28/10/2002	Vĩnh Long	Khá
71	20004090	Nguyễn Nhật Linh	1CTT20A1	Nam	30/10/2001	Cà Mau	Khá
72	20004100	Lạc Minh Luân	1CTT20A1	Nam	26/5/2002	Vĩnh Long	Trung bình
73	20004106	Lương Hoàng Nam	1CTT20A1	Nam	15/5/2002	Vĩnh Long	Trung bình
74	20004115	Nguyễn Thanh Ngọc	1CTT20A1	Nam	01/02/2002	An Giang	Khá
75	20004143	Mai Thành Phát	1CTT20A2	Nam	21/6/2002	Vĩnh Long	Khá
76	20004145	Lê Thanh Phong	1CTT20A2	Nam	25/11/2002	Vĩnh Long	Khá
77	20004153	Nguyễn Trần Hoàng Phúc	1CTT20A2	Nam	03/12/2002	Vĩnh Long	Trung bình
78	20004160	Võ Xuân Quang	1CTT20A2	Nam	30/4/2002	Trà Vinh	Khá
79	20004236	Võ Thanh Trường	1CTT20A2	Nam	04/3/2002	Vĩnh Long	Khá
80	20004249	Nguyễn Tiến Vang	1CTT20A2	Nam	21/10/2002	Nam Định	Khá
81	20005112	Bùi Nguyễn Đoan Trang	1CTP20A	Nữ	22/7/2002	Vĩnh Long	Khá
82	20005117	Huỳnh Mai Phương Trúc	1CTP20A	Nữ	23/7/2002	Vĩnh Long	Khá
83	20006019	Trần Hữu Phúc	1CDT20A	Nam	28/12/2002	Đồng Tháp	Trung bình
84	20007013	Nguyễn Vĩnh Khang	1TDH20A	Nam	01/5/2002	Tiền Giang	Khá
85	20008055	Lê Hoàng Nhân	1CCK20A1	Nam	10/6/2002	Đồng Tháp	Trung bình
86	20008116	Thạch Quyền Anh	1CCK20A2	Nam	10/11/2002	Sóc Trăng	Trung bình
87	20008136	Nguyễn Minh Hiếu	1CCK20A2	Nam	06/10/2002	Đồng Tháp	Khá
88	20008158	Võ Quyền Linh	1CCK20A2	Nam	03/9/2002	Cà Mau	Khá
89	20008169	Đoàn Minh Nhựt	1CCK20A2	Nam	03/12/2002	Vĩnh Long	Trung bình
90	20008183	Đặng Phương Thanh	1CCK20A2	Nam	09/01/2002	Vĩnh Long	Trung bình
91	20008199	Thái Phước Trường	1CCK20A2	Nam	25/11/2002	Vĩnh Long	Khá
92	20012010	Trương Tấn Phát	1KGT20A	Nam	26/12/2002	Đồng Tháp	Khá
93	20013008	Bạch Thiện Bình	1KTN20A	Nam	02/02/2002	Đồng Tháp	Trung bình
94	20013022	Lê Thế Hào	1KTN20A	Nam	28/4/2002	Vĩnh Long	Trung bình
95	20013034	Hồ Đức Huy	1KTN20A	Nam	30/3/2002	Tiền Giang	Trung bình
96	20013085	Nguyễn Thành Thái	1KTN20A	Nam	01/4/2002	Vĩnh Long	Trung bình
97	20017225	Đặng Ngọc Như Ý	1KTE20A2	Nữ	02/4/2002	Vĩnh Long	Khá
98	20018039	Nguyễn Minh Truyền	1LAW20A	Nam	27/12/2002	Vĩnh Long	Khá
99	20019055	Nguyễn Thành Luân	1CKD20A	Nam	12/02/2002	Vĩnh Long	Khá
100	21001028	Lê Văn Luân	1OTO21A1	Nam	02/6/2001	Đồng Tháp	Giỏi
101	21001064	Lê Thanh Liêm	1OTO21A1	Nam	11/4/2003	Tiền Giang	Giỏi
102	21001068	Phùng Nhật Quang	1OTO21A1	Nam	30/11/2003	Vĩnh Long	Khá
103	21001071	Võ Hoàng Huy	1OTO21A1	Nam	24/11/2003	Cà Mau	Khá
104	21001077	Huỳnh Phúc Tịnh	1OTO21A1	Nam	15/10/2003	Cần Thơ	Khá
105	21001085	Trần Minh Khôi	1OTO21A1	Nam	14/5/2003	Cần Thơ	Khá
106	21001101	Nguyễn Hoàng Khang	1OTO21A1	Nam	05/12/2003	Vĩnh Long	Khá
107	21001105	Võ Anh Nguyên	1OTO21A1	Nam	07/01/2003	Vĩnh Long	Giỏi
108	21001110	Lê Thị Nguyên	1OTO21A1	Nữ	22/3/2003	Kiên Giang	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
109	21001115	Trần Minh Nhật	1OTO21A1	Nam	28/4/2003	Cần Thơ	Giỏi
110	21001134	Cao Trọng Khánh	1OTO21A1	Nam	08/6/2003	Vĩnh Long	Khá
111	21001140	Phạm Hoàng Bảo	1OTO21A1	Nam	01/4/2003	Vĩnh Long	Khá
112	21001150	Nguyễn Trường Thịnh	1OTO21A1	Nam	13/12/2003	Vĩnh Long	Khá
113	21001154	Nguyễn Tuấn Khải	1OTO21A1	Nam	02/02/2003	Cần Thơ	Khá
114	21001158	Nguyễn Hữu Thanh	8OTO21A	Nam	02/5/2003	Đồng Tháp	Giỏi
115	21001182	Võ Phước Lộc	1OTO21A1	Nam	24/3/2003	Trà Vinh	Trung bình
116	21001184	Nguyễn Trọng Phúc	1OTO21A1	Nam	07/01/2003	Đồng Tháp	Khá
117	21001185	Nguyễn Anh Khoa	1OTO21A1	Nam	04/3/2003	An Giang	Khá
118	21001187	Trần Khánh Nguyên	1OTO21A1	Nam	10/9/2003	Trà Vinh	Giỏi
119	21001197	Phạm Chí Tín	1OTO21A1	Nam	28/12/2003	Kiên Giang	Khá
120	21001198	Phạm Anh Hoài	1OTO21A1	Nam	20/5/2003	Bạc Liêu	Khá
121	21001203	Võ Nhật Nghiêm	1OTO21A1	Nam	24/4/2003	Sóc Trăng	Giỏi
122	21001219	Huỳnh Thanh Lộc	1OTO21A1	Nam	16/01/2003	Đồng Tháp	Khá
123	21001220	Nguyễn Phan Tấn Phát	1OTO21A1	Nam	03/4/2003	Vĩnh Long	Trung bình
124	21001223	Trần Trung Nhật Nam	1OTO21A1	Nam	13/11/2003	Bến Tre	Khá
125	21001225	Phạm Trí Bảo	1OTO21A1	Nam	04/12/2003	Bạc Liêu	Khá
126	21001228	Đặng Thành Nhân	1OTO21A1	Nam	26/12/2003	Vĩnh Long	Trung bình
127	21001229	Đào Út Bảo	1OTO21A1	Nam	01/6/2003	Cần Thơ	Giỏi
128	21001234	Trần Quốc Tình	1OTO21A1	Nam	24/5/2003	Vĩnh Long	Khá
129	21001235	Nguyễn Minh Hiếu	1OTO21A1	Nam	16/7/2003	TP HCM	Khá
130	21001238	Châu Văn Tiên	1OTO21A1	Nam	07/7/2003	Kiên Giang	Giỏi
131	21001239	Lý Anh Quí	1OTO21A1	Nam	11/3/2003	Cần Thơ	Khá
132	21001241	Võ Minh Trí	1OTO21A1	Nam	17/4/2003	Đồng Tháp	Trung bình
133	21001246	Nguyễn Nhựt Quang	1OTO21A1	Nam	25/01/2003	TP. HCM	Khá
134	21001247	Nguyễn Tiến Đạt	1OTO21A1	Nam	12/9/2003	Vĩnh Long	Khá
135	21001250	Thiều Quang Minh	1OTO21A1	Nam	17/7/2003	Vĩnh Long	Khá
136	21001254	Lê Đăng Khoa	1OTO21A1	Nam	01/7/2003	Đồng Tháp	Khá
137	21001255	Phan Hữu Tài	1OTO21A1	Nam	02/10/2003	Vĩnh Long	Khá
138	21001259	Nguyễn Minh Nhựt	1OTO21A1	Nam	02/8/2003	Đồng Tháp	Khá
139	21001264	Trần Văn Lil	1OTO21A1	Nam	03/11/2003	Trà Vinh	Giỏi
140	21001276	Nguyễn Thành Đạt	1OTO21A1	Nam	18/01/2003	Cà Mau	Khá
141	21001277	Nguyễn Thành Danh	1OTO21A1	Nam	18/01/2003	Cà Mau	Khá
142	21001278	Diệp Tuấn Kiệt	1OTO21A1	Nam	12/5/2003	Trà Vinh	Khá
143	21001294	Nguyễn Thanh Phúc	1OTO21A1	Nam	15/10/2003	Đồng Tháp	Giỏi
144	21001299	Lê Nguyễn Phúc Khang	1OTO21A1	Nam	17/9/2003	Vĩnh Long	Giỏi
145	21001313	Trần Đắc Thắng	1OTO21A2	Nam	28/3/2003	Cần Thơ	Giỏi
146	21001314	Huỳnh Thành Đạt	1OTO21A2	Nam	19/7/2003	Vĩnh Long	Khá
147	21001322	Lê Thái Hoà	1OTO21A2	Nam	20/6/2003	Đồng Tháp	Khá
148	21001343	Nguyễn Minh Hiếu	1OTO21A2	Nam	06/01/2003	Đồng Tháp	Khá
149	21001347	Đỗ Hiếu Nghĩa	1OTO21A2	Nam	09/10/2003	Vĩnh Long	Khá
150	21001349	Lê Ngọc Trân	1OTO21A2	Nữ	07/10/2003	Vĩnh Long	Khá
151	21001350	Dương Tấn Tài	1OTO21A2	Nam	19/3/2003	Kiên Giang	Khá
152	21001359	Lê Khởi Minh	1OTO21A2	Nam	13/5/2003	Vĩnh Long	Khá
153	21001373	Võ Cao Thịnh	1OTO21A2	Nam	25/01/2003	Vĩnh Long	Khá
154	21001406	Võ Nhựt Hào	1OTO21A2	Nam	01/8/2003	Cà Mau	Khá
155	21001459	Lê Huỳnh Nhật Anh	1OTO21A2	Nam	08/5/2003	Vĩnh Long	Khá
156	21001461	Trần Đan Trường	1OTO21A2	Nam	29/9/2003	Bến Tre	Giỏi
157	21001473	Nguyễn Hãi Đăng	1OTO21A2	Nam	09/3/2002	Trà Vinh	Giỏi
158	21001482	Kim Khánh Huy	1OTO21A2	Nam	15/8/2003	Vĩnh Long	Giỏi
159	21001483	Trịnh Tấn Hưng	1OTO21A2	Nam	02/8/2003	Cần Thơ	Giỏi
160	21001489	Lê Khánh Duy	1OTO21A2	Nam	18/12/2003	Đồng Tháp	Khá
161	21001498	Đinh Hel Quyêl	1OTO21A2	Nam	01/10/2003	Bạc Liêu	Giỏi
162	21001499	Trần Quốc Trị	1OTO21A2	Nam	23/8/2003	Bạc Liêu	Khá
163	21001509	Huỳnh Thiên Bảo	1OTO21A2	Nam	28/8/2003	Kiên Giang	Giỏi
164	21001512	Nguyễn Ngọc Thảo	1OTO21A2	Nữ	13/10/2003	Vĩnh Long	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
165	21001561	Thạch Đa Nết	1OTO21A2	Nam	26/01/2003	Trà Vinh	Khá
166	21001562	Sơn Đức Trung	1OTO21A2	Nam	27/11/2003	Trà Vinh	Khá
167	21001572	Thạch Chí Thắng	1OTO21A2	Nam	20/8/2003	Vĩnh Long	Khá
168	21001582	Nguyễn Tuấn Thành	1OTO21A2	Nam	25/12/2003	Đồng Tháp	Khá
169	21001585	Nguyễn Thị Hoàng Yến	1OTO21A2	Nữ	27/11/2003	Trà Vinh	Giỏi
170	21001589	Trương Văn Hiền	1OTO21A2	Nam	16/01/2003	Hậu Giang	Giỏi
171	21001604	Nghiêm Khánh Duy	1OTO21A3	Nam	19/10/2003	Cà Mau	Giỏi
172	21001607	Trần Nguyễn Tâm Anh	1OTO21A3	Nam	08/3/2003	Vĩnh Long	Giỏi
173	21001608	Lê Thanh Cao	1OTO21A3	Nam	29/3/2003	Vĩnh Long	Giỏi
174	21001609	Nguyễn Văn Minh Nhí	1OTO21A3	Nam	22/6/2003	An Giang	Giỏi
175	21001611	Lê Thanh Phong	1OTO21A3	Nam	26/9/2003	An Giang	Giỏi
176	21001612	Thạch Ngọc Diên	1OTO21A3	Nam	22/8/2003	Trà Vinh	Khá
177	21001613	Nguyễn Trọng Trí	1OTO21A3	Nam	27/5/2003	Trà Vinh	Khá
178	21001614	Hồ Trần Nhật Anh	1OTO21A3	Nam	13/9/2003	Tiền Giang	Khá
179	21001615	Kim Hoàng Vũ	1OTO21A3	Nam	05/7/2003	Vĩnh Long	Khá
180	21001618	Nguyễn Hoàng Khang	1OTO21A3	Nam	12/12/2003	Vĩnh Long	Giỏi
181	21001619	Lê Hoàng Quân	1OTO21A3	Nam	22/11/2003	Vĩnh Long	Khá
182	21001625	Huỳnh Tấn Vinh	1OTO21A3	Nam	05/01/2003	Đồng Tháp	Khá
183	21001626	Ung Minh Lực	1OTO21A3	Nam	17/12/2003	Đồng Tháp	Khá
184	21001632	Thạch Thủy	1OTO21A3	Nam	06/3/2003	Trà Vinh	Giỏi
185	21001634	Tô Trường An	1OTO21A3	Nam	12/7/2003	Cà Mau	Khá
186	21001635	Triệu Quốc Thiên	1OTO21A3	Nam	10/9/2003	Hậu Giang	Khá
187	21001638	Huỳnh Tấn Phát	1OTO21A3	Nam	30/11/2003	Đồng Tháp	Khá
188	21001646	Nguyễn Văn Sang	1OTO21A3	Nam	16/02/2003	Đồng Tháp	Giỏi
189	21001658	Phạm Ngô Hải Sơn	1OTO21A3	Nam	01/4/2003	An Giang	Khá
190	21001659	Đặng Phú Quý	1OTO21A3	Nam	11/7/2003	Vĩnh Long	Giỏi
191	21001660	Lưu Gia Lộc	1OTO21A3	Nam	07/7/2003	Vĩnh Long	Khá
192	21001661	Nguyễn Võ Anh Tuấn	1OTO21A3	Nam	20/9/2003	Vĩnh Long	Khá
193	21001668	Nguyễn Văn Kiệt	1OTO21A3	Nam	22/11/2003	Vĩnh Long	Giỏi
194	21001670	Lê Phát Tài	1OTO21A3	Nam	16/12/2003	Cà Mau	Giỏi
195	21001672	Nguyễn Quốc Duy	1OTO21A3	Nam	16/3/2003	Vĩnh Long	Giỏi
196	21001673	Nguyễn Chí Trung	1OTO21A3	Nam	16/01/2003	Vĩnh Long	Khá
197	21001675	Nguyễn Văn Quý	1OTO21A3	Nam	08/11/2003	Vĩnh Long	Khá
198	21001676	Võ Quốc Bảo	1OTO21A3	Nam	07/9/2003	Bến Tre	Giỏi
199	21001677	Nguyễn Phước Duy	1OTO21A3	Nam	28/12/2003	An Giang	Khá
200	21001680	Trương Thị Nguyệt Nga	1OTO21A3	Nữ	01/5/2003	Đồng Tháp	Khá
201	21001684	Trần Thanh Liêm	1OTO21A3	Nam	27/8/2003	Vĩnh Long	Khá
202	21001685	Thạch Huỳnh Vủ Khanh	1OTO21A3	Nam	06/8/2003	Trà Vinh	Giỏi
203	21001689	Phan Văn Quốc	1OTO21A3	Nam	24/8/2003	Tiền Giang	Khá
204	21001690	Nguyễn Văn Phương	1OTO21A3	Nam	21/9/2003	Đồng Tháp	Khá
205	21001692	Trần Trung Tín	1OTO21A3	Nam	25/4/2003	Vĩnh Long	Giỏi
206	21001695	Dương Lê Quốc Duy	1OTO21A3	Nam	26/02/2003	Vĩnh Long	Giỏi
207	21001696	Nguyễn Trường Vũ	1OTO21A3	Nam	14/3/2003	An Giang	Khá
208	21001698	Nguyễn Anh Phát	1OTO21A3	Nam	04/4/2003	Kiên Giang	Giỏi
209	21001699	Lương Minh Triết	1OTO21A3	Nam	26/11/2003	Vĩnh Long	Giỏi
210	21001700	Lê Thành Tín	1OTO21A3	Nam	06/8/2003	Đồng Tháp	Khá
211	21003018	Võ Tấn Thành	1DDT21A	Nam	30/3/2003	Bến Tre	Khá
212	21003040	Nguyễn Minh Phú	1DDT21A	Nam	25/4/2003	Tiền Giang	Khá
213	21003046	Nguyễn Vy Thái	1DDT21A	Nam	26/10/2003	Đồng Tháp	Giỏi
214	21003049	Võ Thành Thật	1DDT21A	Nam	12/3/2003	Kiên Giang	Giỏi
215	21003051	Nguyễn Thanh Sang	1DDT21A	Nam	20/12/2003	Vĩnh Long	Giỏi
216	21003057	Tăng Huỳnh Đoàn	1DDT21A	Nam	20/8/2003	Đồng Tháp	Giỏi
217	21003062	Bùi Trí Khoa	1DDT21A	Nam	09/01/2003	Vĩnh Long	Khá
218	21003068	Lê Nhật Toàn	1DDT21A	Nam	17/9/2003	Kiên Giang	Khá
219	21003073	Lâm Chí Tài	1DDT21A	Nam	16/11/2003	Vĩnh Long	Giỏi
220	21003075	Trần Hữu Minh	1DDT21A	Nam	21/9/2003	Vĩnh Long	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
221	21003076	Trần Hữu Điền	1DDT21A	Nam	03/8/2003	Vĩnh Long	Giỏi
222	21003077	Nguyễn Thế Kiệt	1DDT21A	Nam	27/10/2003	Vĩnh Long	Khá
223	21003093	Trần Minh Tâm	1DDT21A	Nam	25/02/2003	Vĩnh Long	Giỏi
224	21004073	Nguyễn Minh Thuận	1CTT21A1	Nam	10/11/2003	Vĩnh Long	Khá
225	21004115	Chung Hoài An	1CTT21A2	Nam	29/5/2003	Tiền Giang	Giỏi
226	21004116	Nguyễn Toàn Thắng	1CTT21A2	Nam	02/12/2003	TP. HCM	Khá
227	21004122	Nguyễn Quý Bình	1CTT21A2	Nam	06/8/2003	Vĩnh Long	Giỏi
228	21004125	Trần Minh Đấu	1CTT21A2	Nam	08/5/2003	Vĩnh Long	Giỏi
229	21004126	Đường Công Thịnh	1CTT21A2	Nam	20/4/2003	Long An	Khá
230	21004130	Nguyễn Công Hậu	1CTT21A2	Nam	23/5/2003	Vĩnh Long	Khá
231	21004135	Đặng Khổng Hoàng Phúc	1CTT21A2	Nam	04/6/2003	Vĩnh Long	Giỏi
232	21004139	Trần Quốc Khánh	1CTT21A2	Nam	02/9/2003	Vĩnh Long	Khá
233	21004148	Nguyễn Châu Hoàng Thái	1CTT21A2	Nam	22/3/2003	Vĩnh Long	Khá
234	21004156	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	1CTT21A2	Nữ	22/5/2003	Long An	Khá
235	21004163	Trần Anh Duy	1CTT21A2	Nam	17/5/2003	Tiền Giang	Khá
236	21004194	Nguyễn Minh Đạt	1CTT21A2	Nam	18/9/2003	Tiền Giang	Giỏi
237	21004205	Âu Minh Nhựt Tân	1CTT21A3	Nam	21/12/2003	Tiền Giang	Giỏi
238	21004218	Võ Thế Tài	1CTT21A3	Nam	17/10/2003	Vĩnh Long	Giỏi
239	21004232	Trần Quốc Khang	1CTT21A3	Nam	26/8/2003	An Giang	Khá
240	21004246	Trần Phạm Khánh Nguyên	1CTT21A3	Nam	31/7/2003	Vĩnh Long	Giỏi
241	21004250	Trương Anh Hào	1CTT21A3	Nam	13/11/2003	Vĩnh Long	Giỏi
242	21004266	Huỳnh Tuấn Anh	1CTT21A3	Nam	24/9/2003	Kiên Giang	Khá
243	21005004	Nguyễn Minh Thắng	1CTP21A	Nam	07/4/2003	Tiền Giang	Khá
244	21005006	Nguyễn Trọng Tín	1CTP21A	Nam	10/3/2003	An Giang	Khá
245	21005055	Phạm Thị Tuyết Linh	1CTP21A	Nữ	06/8/2003	Đồng Tháp	Khá
246	21005056	Phạm Thị Diễm Sương	1CTP21A	Nữ	06/01/2003	Đồng Tháp	Khá
247	21005127	Đặng Thị Diễm Trinh	1CTP21A	Nữ	11/6/2003	Vĩnh Long	Khá
248	21005139	Huỳnh Hữu Bình	1CTP21A	Nam	08/10/2003	Đồng Tháp	Giỏi
249	21005155	Trương Thanh Duy	1CTP21A	Nam	20/6/2003	Vĩnh Long	Khá
250	21005158	Nguyễn Phương Trinh	1CTP21A	Nữ	30/5/1998	Vĩnh Long	Khá
251	21007010	Lê Khánh Duy	1TDH21A	Nam	23/8/2003	Cà Mau	Giỏi
252	21007017	Trần Thanh Nhã	1TDH21A	Nam	19/3/2003	Sóc Trăng	Khá
253	21007030	Trần Đông Thới	1TDH21A	Nam	22/8/2003	Cà Mau	Giỏi
254	21007032	Trần Khánh Duy	1TDH21A	Nam	15/4/2003	Cà Mau	Giỏi
255	21007036	Nguyễn Phạm Thị Vân An	1TDH21A	Nữ	19/02/2002	Vĩnh Long	Giỏi
256	21007037	Phan Tiến Phát	1TDH21A	Nam	27/02/2003	Vĩnh Long	Giỏi
257	21007039	Hồ Nhật Anh	1TDH21A	Nam	03/6/2003	Vĩnh Long	Giỏi
258	21007040	Trần Văn Tú	1TDH21A	Nam	26/6/2003	An Giang	Giỏi
259	21007050	Phạm Quốc Vinh	1TDH21A	Nam	12/7/2003	Cà Mau	Khá
260	21007051	Nguyễn Hoàng Phúc	1TDH21A	Nam	29/6/2003	Cần Thơ	Giỏi
261	21008003	Nguyễn Hoàng Vui	1CCK21A	Nam	01/8/2003	Cần Thơ	Giỏi
262	21008012	Nguyễn Trường Duy	1CCK21A	Nam	24/11/2003	Cà Mau	Khá
263	21008014	Nguyễn Hữu Lộc	1CCK21A	Nam	15/02/2003	Đồng Tháp	Khá
264	21008023	Thái Minh Quân	1CCK21A	Nam	27/3/2003	Vĩnh Long	Giỏi
265	21008024	Phạm Hoàng Hảo	1CCK21A	Nam	16/11/2002	Đồng Tháp	Giỏi
266	21008027	Huỳnh Chí Thành	1CCK21A	Nam	04/5/2003	Hậu Giang	Giỏi
267	21008028	Lê Phong Quang	1CCK21A	Nam	20/12/2003	Đồng Tháp	Khá
268	21008038	Lê Hữu Nhựt	1CCK21A	Nam	24/3/2003	Đồng Tháp	Khá
269	21008039	Nguyễn Tuấn Anh	1CCK21A	Nam	28/10/2003	Đồng Tháp	Khá
270	21008043	Lê Trường Tú	1CCK21A	Nam	05/12/2003	Kiên Giang	Khá
271	21008048	Dương Văn Trọng	1CCK21A	Nam	06/6/2003	Trà Vinh	Giỏi
272	21008049	Lê Minh Chương	1CCK21A	Nam	05/8/2003	Vĩnh Long	Khá
273	21008050	Nguyễn Hoàng Bảo	1CCK21A	Nam	02/10/2003	Vĩnh Long	Khá
274	21008073	Nguyễn Tuấn Anh	1CCK21A	Nam	08/02/2003	Vĩnh Long	Giỏi
275	21008092	Nguyễn Nhựt Linh	1CCK21A	Nam	18/11/2003	Cà Mau	Khá
276	21010078	Hồ Kim Ngân	1BTY21A	Nữ	26/8/2003	Sóc Trăng	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
277	21010089	Nguyễn Nguyên Bá	1BTY21A	Nam	08/10/2003	Đồng Tháp	Khá
278	21010102	Lê Quốc Cường	1BTY21A	Nam	09/4/2003	Vĩnh Long	Khá
279	21010104	Nguyễn Phi Hùng	1BTY21A	Nam	06/9/2003	Tiền Giang	Giỏi
280	21010112	Phạm Thanh Nhân	1BTY21A	Nam	07/3/2001	Bến Tre	Giỏi
281	21010116	Hà Minh Duy	1BTY21A	Nam	06/01/2003	Vĩnh Long	Giỏi
282	21010125	Phạm Thị Kiều Xuân	1BTY21A	Nữ	25/01/2003	Vĩnh Long	Giỏi
283	21010126	Nguyễn Anh Tài	1BTY21A	Nam	12/5/2003	Vĩnh Long	Giỏi
284	21010133	Lê Thị Kiều Tiên	1BTY21A	Nữ	21/10/2003	Vĩnh Long	Giỏi
285	21011004	Lê Duy Thái	1CXH21A	Nam	28/11/2002	Vĩnh Long	Trung bình
286	21011005	Trần Thảo Vy	1CXH21A	Nữ	05/4/2003	Vĩnh Long	Khá
287	21013035	Nguyễn Trung Tính	1KTN21A	Nam	20/10/2003	Vĩnh Long	Giỏi
288	21013044	Võ Hoàng Khang	1KTN21A	Nam	18/11/2003	Vĩnh Long	Giỏi
289	21013051	Lê Trọng Nguyễn	1KTN21A	Nam	23/10/2003	Cà Mau	Giỏi
290	21013057	Huỳnh Nhựt Khoa	1KTN21A	Nam	06/11/2003	Vĩnh Long	Trung bình
291	21013061	Lê Minh Tiến	1KTN21A	Nam	28/5/2003	Vĩnh Long	Khá
292	21014021	Nguyễn Chí Thiện	1CSH21A	Nam	13/12/2003	Tiền Giang	Giỏi
293	21014024	Dương Thế Bảo	1CSH21A	Nam	21/4/2003	Vĩnh Long	Khá
294	21015007	Nguyễn Phan Thanh Triều	1DLH21A	Nam	11/3/2003	Vĩnh Long	Khá
295	21017003	Nguyễn Vĩnh Nghị	1KTE21A1	Nam	08/12/2002	Bến Tre	Giỏi
296	21017006	Trần Linh Vương	1KTE21A1	Nam	26/9/1999	Vĩnh Long	Giỏi
297	21017046	Phan Nguyễn Ngọc Hân	1KTE21A1	Nữ	12/4/2003	Tiền Giang	Khá
298	21017065	Nguyễn Quốc Hải	1KTE21A1	Nam	16/7/2003	Vĩnh Long	Khá
299	21017067	Danh Dĩ Khá	1KTE21A1	Nam	15/01/2002	Kiên Giang	Giỏi
300	21017078	Nguyễn Trí Dũng	1KTE21A1	Nam	27/9/2003	Vĩnh Long	Khá
301	21017084	Hồ Gia Hân	1KTE21A1	Nam	21/9/2003	Vĩnh Long	Khá
302	21017085	Đào Nguyễn Nhã Uyên	1KTE21A1	Nữ	07/10/2003	Vĩnh Long	Khá
303	21017095	Nguyễn Thị Tâm	1KTE21A1	Nữ	28/8/2003	Cà Mau	Giỏi
304	21017100	Nguyễn Vũ Hải	1KTE21A1	Nam	28/9/2003	Vĩnh Long	Giỏi
305	21017112	Nguyễn Tính Nghĩa	1KTE21A1	Nam	16/01/2003	Vĩnh Long	Trung bình
306	21017125	Nguyễn Minh Đức	1KTE21A1	Nam	24/6/2002	Vĩnh Long	Khá
307	21017126	Tăng Thị Mỹ Tiên	1KTE21A1	Nữ	28/10/2003	Vĩnh Long	Khá
308	21017134	Nguyễn Danh Bảo	1KTE21A1	Nam	27/7/2002	Đồng Tháp	Giỏi
309	21017136	Nguyễn Đoàn Gia Hân	1KTE21A1	Nữ	08/8/2003	Vĩnh Long	Giỏi
310	21017141	Nguyễn Trúc Viên	1KTE21A1	Nữ	08/02/2003	Đồng Tháp	Giỏi
311	21017142	Lê Thị Ánh Tuyết	1KTE21A1	Nữ	24/3/2003	Bến Tre	Giỏi
312	21017144	Tạ Thị Hoài Thu	1KTE21A1	Nữ	31/5/2003	Vĩnh Long	Giỏi
313	21017148	Đoàn Ngọc Trân	1KTE21A1	Nữ	16/9/2002	Kiên Giang	Giỏi
314	21017152	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1KTE21A2	Nữ	04/3/2003	Vĩnh Long	Giỏi
315	21017170	Phan Mộng Ngọc	1KTE21A2	Nữ	04/12/2003	Vĩnh Long	Giỏi
316	21017173	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	1KTE21A2	Nữ	02/4/2003	Vĩnh Long	Giỏi
317	21017178	Châu Gia Mẫn	1KTE21A2	Nữ	08/7/2003	Vĩnh Long	Giỏi
318	21017179	Nguyễn Lê Hoàng Khải	1KTE21A2	Nam	12/9/2003	Vĩnh Long	Khá
319	21017183	Huỳnh Thị Cẩm Hương	1KTE21A2	Nữ	11/9/2003	Cần Thơ	Khá
320	21017185	Võ Tuyết Băng	1KTE21A2	Nữ	19/01/2003	Vĩnh Long	Giỏi
321	21017186	Hà Đức Huy	1KTE21A2	Nam	02/01/2003	Cà Mau	Giỏi
322	21017191	Nguyễn Thị Yến Ngọc	1KTE21A2	Nữ	20/3/2003	Bến Tre	Giỏi
323	21017194	Lê Thuý Vi	1KTE21A2	Nữ	28/4/2003	Vĩnh Long	Giỏi
324	21017206	Lê Quốc Vĩnh	1KTE21A2	Nam	20/5/2003	Bến Tre	Khá
325	21017207	Nguyễn Thị Cẩm Quí	1KTE21A2	Nữ	18/12/2003	Vĩnh Long	Khá
326	21017212	Lưu Phương Thảo	1KTE21A2	Nữ	31/10/2003	Cà Mau	Giỏi
327	21017219	Nguyễn Bảo Ngọc	1KTE21A2	Nữ	23/5/2003	Vĩnh Long	Giỏi
328	21017224	Võ Thị Hồng Nhung	1KTE21A2	Nữ	20/02/2003	Bến Tre	Khá
329	21017226	Huỳnh Phương Bảo Trân	1KTE21A2	Nữ	05/10/2003	Tiền Giang	Khá
330	21017228	Võ Hoàng Tuyết Nhi	1KTE21A2	Nữ	03/10/2003	TP. HCM	Giỏi
331	21017230	Nguyễn Hoàng Ân	1KTE21A2	Nam	04/4/2003	Đồng tháp	Khá
332	21017231	Nguyễn Trọng Hào	1KTE21A2	Nam	30/8/2003	Đồng tháp	Khá

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
333	21017240	Hồ Ngọc Nhi	1KTE21A2	Nữ	06/3/2002	Vĩnh Long	Giỏi
334	21017241	Nguyễn Kiều Diễm	1KTE21A2	Nữ	20/3/2003	Cà Mau	Giỏi
335	21017243	Trần Phạm Minh Tuyền	1KTE21A2	Nữ	29/10/2003	Vĩnh Long	Khá
336	21017244	Bùi Như Ý	1KTE21A2	Nữ	20/3/2003	Cà Mau	Giỏi
337	21017247	Đặng Thành Tú	1KTE21A2	Nam	16/8/2003	Cần Thơ	Khá
338	21017248	Nguyễn Phi Hùng	1KTE21A2	Nam	07/5/2003	Kiên Giang	Khá
339	21017249	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	1KTE21A2	Nữ	08/7/2003	Tỉnh Trà Vinh	Giỏi
340	21017250	Sơn Toàn	1KTE21A2	Nam	03/02/2003	Sóc Trăng	Giỏi
341	21017252	Nguyễn Thị Như Ý	1KTE21A2	Nữ	22/01/2003	Vĩnh Long	Giỏi
342	21017254	Đinh Thụy Lan Thanh	1KTE21A2	Nữ	08/01/2003	Vĩnh Long	Khá
343	21017256	Dương Thị Cẩm Khuyên	1KTE21A2	Nữ	24/7/2003	Vĩnh Long	Khá
344	21017260	Nguyễn Thị Minh Thư	1KTE21A2	Nữ	06/11/2003	Vĩnh Long	Khá
345	21017261	Nguyễn Thị Anh Thư	1KTE21A2	Nữ	26/10/2003	Cần Thơ	Trung bình
346	21018001	Tô Bảo Thạch	1LAW21A	Nam	21/3/2002	Bến Tre	Giỏi
347	21018002	Phan Ánh Hồng	1LAW21A	Nữ	05/7/2003	Vĩnh Long	Giỏi
348	21018003	Phùng Đình Thắng	1LAW21A	Nam	05/7/2003	Vĩnh Long	Khá
349	21018005	Ngô Ngọc Tường Vy	1LAW21A	Nữ	19/8/2003	Vĩnh Long	Khá
350	21018008	Phan Ngọc Như Ý	1LAW21A	Nữ	08/7/2003	Bến Tre	Khá
351	21018010	Khưu Tâm Như	1LAW21A	Nữ	13/9/2003	Vĩnh Long	Khá
352	21018013	Võ Thiên Thanh	1LAW21A	Nữ	05/10/2003	Vĩnh Long	Khá
353	21018015	Trần Lý Thụy Minh Thư	1LAW21A	Nữ	16/9/2003	Vĩnh Long	Khá
354	21018017	Huỳnh Hoa Hồng Hải	1LAW21A	Nữ	06/01/2003	Vĩnh Long	Giỏi
355	21018018	Nguyễn Hà Phương	1LAW21A	Nữ	09/9/2003	Vĩnh Long	Khá
356	21018019	Trâu Việt Hùng	1LAW21A	Nam	21/9/2003	Đồng Tháp	Khá
357	21018020	Ngô Tấn Lợi	1LAW21A	Nam	26/02/2003	Vĩnh Long	Khá
358	21018022	Nguyễn Ngọc Minh Phương	1LAW21A	Nữ	27/12/2003	Vĩnh Long	Khá
359	21018025	Nguyễn Huỳnh Duy	1LAW21A	Nam	02/9/2003	Đồng Tháp	Giỏi
360	21018026	Trần Phúc Khang	1LAW21A	Nam	12/8/2003	Vĩnh Long	Trung bình
361	21018028	Cao Khả Trâm	1LAW21A	Nữ	16/7/2002	Vĩnh Long	Khá
362	21018030	Nguyễn Thành Luân	1LAW21A	Nam	12/4/2003	Đồng Tháp	Giỏi
363	21018033	Lương Quốc Việt	1LAW21A	Nam	26/02/2003	Bến Tre	Khá
364	21018035	Nguyễn Trần Thảo Ngân	1LAW21A	Nữ	24/12/2003	Vĩnh Long	Khá
365	21018040	Nguyễn Thị Trúc Giang	1LAW21A	Nữ	22/7/2003	Vĩnh Long	Giỏi
366	21019001	Nguyễn Anh Tú	1CKD21A	Nam	29/8/2003	Vĩnh Long	Giỏi
367	21019003	Lê Hoài Nghĩa	1CKD21A	Nam	20/5/2003	Vĩnh Long	Khá
368	21019004	Dương Thành Nhân	1CKD21A	Nam	25/12/2003	Vĩnh Long	Khá
369	21019005	Hồ Hoàng Sang	1CKD21A	Nam	25/10/2003	Vĩnh Long	Khá
370	21019006	Lê Quốc Minh	1CKD21A	Nam	12/10/2003	Vĩnh Long	Khá
371	21019007	Đinh Thành Nhân	1CKD21A	Nam	12/12/2003	Vĩnh Long	Khá
372	21019008	Võ Đặng Trung Quân	1CKD21A	Nam	21/3/2003	Vĩnh Long	Khá
373	21019010	Nguyễn Minh Huân	1CKD21A	Nam	13/11/2003	Đồng Tháp	Khá
374	21019012	Nguyễn Trọng Tính	1CKD21A	Nam	10/9/2003	Bạc Liêu	Khá
375	21019014	Đinh Đang Huy	1CKD21A	Nam	02/9/2003	Vĩnh Long	Giỏi
376	21019018	Vũ Đức Long	1CKD21A	Nam	06/4/2002	An giang	Trung bình
377	21019019	Võ Huy Hoàng	1CKD21A	Nam	16/02/2003	An Giang	Khá
378	21019025	Phạm Quốc Thới	1CKD21A	Nam	29/3/2003	Đồng Tháp	Khá
379	21020001	Nguyễn Hạo Nguyên	1KXD21A	Nam	13/02/2001	Hậu Giang	Giỏi
380	21020002	Thạch Som Nan	1KXD21A	Nam	05/01/2003	Vĩnh Long	Khá
381	21020005	Nguyễn Trí Hậu	1KXD21A	Nam	13/3/2003	Vĩnh Long	Khá
382	21020006	Võ Nhơn Hòa	1KXD21A	Nam	10/8/2003	Vĩnh Long	Khá
383	21020007	Trần Hữu Hiền	1KXD21A	Nam	01/10/2003	Sóc Trăng	Khá
384	21020008	Ngô Hoàng Lam	1KXD21A	Nam	03/12/2003	Bạc Liêu	Giỏi
385	21020009	Nguyễn Văn Khả	1KXD21A	Nam	13/11/2003	Hậu Giang	Giỏi
386	21021005	Kiều Lê Phương Yến	1QDL21A	Nữ	08/4/2003	Vĩnh Long	Giỏi
387	21021007	Nguyễn Thị Cẩm Tú	1QDL21A	Nữ	06/6/2003	Long An	Khá
388	21021008	Võ Hoài Thương	1QDL21A	Nam	27/12/2003	Vĩnh Long	Giỏi

TT	Mã số SV	Họ và tên	Mã lớp	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại
389	21021010	Nguyễn Thị Thúy Anh	1QDL21A	Nữ	22/10/2003	Vĩnh Long	Giỏi
390	21021011	Danh Thị Bé Ngoan	1QDL21A	Nữ	06/11/2003	Kiên Giang	Khá
391	21021012	Nguyễn Song My	1QDL21A	Nữ	28/02/2003	Cà Mau	Giỏi
392	21021016	Phạm Thị Diễm My	1QDL21A	Nữ	25/7/2003	Vĩnh Long	Khá
393	21021017	Nguyễn Châu Thị Thúy Huỳnh	1QDL21A	Nữ	30/10/2003	Vĩnh Long	Khá
394	21021027	Nguyễn Lý Nhật Minh	1QDL21A	Nam	03/5/2003	Cần Thơ	Khá
395	21021044	Nguyễn Ngọc Thùy Trang	1QDL21A	Nữ	30/01/2003	Vĩnh Long	Trung bình
396	21021045	Nguyễn Thị Ngọc Hân	1QDL21A	Nữ	19/01/2003	Tiền Giang	Giỏi
397	21021047	Nguyễn Trần Quốc Ngữ	1QDL21A	Nam	18/6/2003	Bạc Liêu	Khá
398	21201001	Nguyễn Hoàng Anh	9OTO21A	Nam	22/02/2003	Cà Mau	Giỏi
399	21201002	Danh Tùng Lâm	9OTO21A	Nam	19/4/2003	Kiên Giang	Giỏi
400	21201003	Mai Trí Công	9OTO21A	Nam	17/3/2003	Hậu Giang	Khá
401	21201006	Nguyễn Hoàng Gia Phúc	9OTO21A	Nam	06/6/2003	Vĩnh Long	Giỏi
402	21808008	Nguyễn Phúc Khang	8CCK21A	Nam	09/6/2003	Vĩnh Long	Giỏi
403	21819001	Nguyễn Văn Hoài Hiếu	8CKD21A	Nam	29/7/2003	Bến Tre	Trung bình
404	21820001	Dương Khánh Quốc	8KXD21A	Nam	22/8/2003	Hậu Giang	Khá

HIỆU TRƯỞNG

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VĨNH LONG

PGS.TS. Lao Hùng Phi